So với ngón trỏ (gần được 2 ngón trỏ).

→ Chiều dài 2 ngón trỏ bớt đi chiều dài khoảng 1 đốt ngón tay.

→ Kết quả là số cần ước lượng.

+ Chiều rộng bức tranh: thực hiện tương tự.

GV lưu ý:

+ Kết quả ước lượng của HS sai lệch vài xăng-ti-mét (ở bài này) là đạt yêu cầu.

+ Một số HS thường "nói dại" kết quả ước lượng, GV cần chấn chỉnh kịp thời.

- **Đo:** Chiều dài 10 cm, chiều rộng 8 cm.

b) Tính diện tích và chu vi bức tranh.

HS **thông báo** kết quả.

CỦNG CỐ

Hỏi nhanh đáp gọn.

– Quy tắc tính diện tích hình chữ nhật.

– Quy tắc tính chu vi hình chữ nhật.

– Nếu phân vân giữa hai quy tắc tính diện tích và chu vi:

- Diện tích → Số ô vuông 1 cm^2 theo hàng và cột.

  → Tính số ô vuông: thực hiện phép nhân.

  → Chiều dài nhân chiều rộng.

- Chu vi → Tô ngón tay theo các cạnh.

  → 2 lần nửa chu vi.

  → (chiều dài + chiều rộng) × 2.

– Đơn vị đo chu vi và diện tích?

DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG
(1 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Hình thành quy tắc tính diện tích hình vuông.

– Vận dụng quy tắc tính diện tích hình vuông khi biết độ dài cạnh hình vuông.

– Phân biệt cách tính chu vi và diện tích của hình vuông.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến đo lường chu vi và diện tích hình vuông.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học; giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; giải quyết vấn đề toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: nhân ái, trách nhiệm, chăm chỉ.

B. Thiết bị dạy học

HS: 10 mảnh giấy hình vuông cạnh 1 cm; 2 tờ giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm; bút chì màu nhạt.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞI ĐỘNG

– Yêu cầu: Tính diện tích hình vuông có cạnh dài 3 cm.

– HS nhóm bốn **thảo luận**, **tìm** cách thức giải quyết vấn đề rồi **trình bày**.

Có thể thực hiện theo các cách khác nhau:

- **Vẽ** hình vuông có cạnh dài 3 cm trên giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm.
- **Tìm** diện tích hình vuông:

  + Dùng các mảnh giấy hình vuông cạnh 1 cm **xếp kín** hình vuông.

  (9 mảnh giấy, mỗi mảnh có diện tích 1 cm^2.)

  Diện tích hình chữ nhật là 9 cm^2.

  + Do vẽ trên giấy kẻ ô vuông cạnh 1 cm nên diện tích mỗi ô là 1 cm^2.

  Đếm số ô vuông sẽ tìm được diện tích hình chữ nhật: 15 cm^2.

  + **Tính** số ô vuông theo hàng (hoặc theo cột).

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

Giới thiệu quy tắc tính diện tích hình vuông

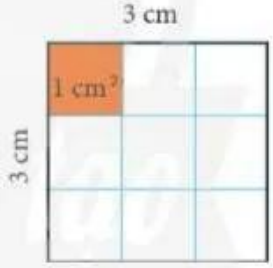

– GV vẽ hình trên bảng lớp (giả định số đo cạnh mỗi ô vuông là 1 cm).

– GV hướng dẫn HS **tính** theo hàng (hay theo cột):

- Hình vuông được chia thành mấy hàng? (3 hàng.)
- Mỗi hàng có mấy ô vuông? (3 ô vuông.)
- 3 ô vuông được lấy 3 lần, viết phép tính tìm số ô vuông có tất cả. ($3 \times 3 = 9$)
- Diện tích hình vuông là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông? (9 cm^2 do mỗi ô vuông có diện tích là 1 cm^2.)
- GV viết phép tính rồi giúp HS **liên hệ** các thừa số với độ dài cạnh hình vuông.

Diện tích hình vuông:

$3 \times 3 = 9$ (cm^2)

Độ dài cạnh Độ dài cạnh Diện tích

- Muốn tính diện tích hình vuông ta làm thế nào? (HS **trả lời**, GV viết bảng.)

  Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.
- Để tính diện tích hình vuông, ta cần biết gì? (Độ dài một cạnh.)

LUYỆN TẬP

Bài 1:

– **Nhận biết** yêu cầu.

– **Tìm hiểu** bảng (mỗi cột là một câu, lưu ý không nhầm lẫn chu vi và diện tích).

– HS **làm** cá nhân rồi **chia sẻ** trong nhóm bốn.

– Sửa bài, HS **giải thích** cách làm.

Bài 2:

– **Nhận biết** yêu cầu.

– HS (nhóm đôi) thực hiện.

a) Đo độ dài cạnh bức tranh: 5 cm.

b) Tính diện tích và chu vi bức tranh theo quy tắc.

HS **nói** để thông báo kết quả.

CỦNG CỐ

Hỏi nhanh đáp gọn.

– Quy tắc tính diện tích, chu vi hình vuông.

– Quy tắc tính diện tích, chu vi hình hình chữ nhật.

– Giới thiệu bài thơ vui về diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

Em là học trò lớp ba
Phân biệt diện tích thực là dễ thay
Chữ nhật Dài, Rộng nhân ngay
Hình vuông Cạnh, Cạnh làm bay tức thì.

TIỀN VIỆT NAM
(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Nhận biết được mệnh giá của các tờ tiền Việt Nam (trong phạm vi 100 000 đồng); nhận biết được tờ tiền hai trăm nghìn đồng và năm trăm nghìn đồng (không yêu cầu học sinh đọc, viết số chỉ mệnh giá).

– Nắm được mối quan hệ trao đổi giữa giá trị (mệnh giá) của các loại giấy bạc đó.

– Biết làm các phép tính cộng, trừ trên các số với đơn vị là đồng.

– Thống kê được các tờ tiền theo mệnh giá.

– Giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tiền.